

EARLY MARRIAGE SITUATION OF ETHNIC MINORITY WOMEN IN THE NORTHERN MIDLANDS AND MOUNTAIN AREA

Nguyen Thi Xuan

Institute of Sociology, Vietnam Academy of Social Sciences

Email: xuanhatay@gmail.com

Received: 11/4/2023; Reviewed: 11/5/2023; Revised: 13/5/2023; Accepted: 15/6/2023; Released: 21/6/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/113>

Marriage is a long-standing tradition of ethnic minorities in the Northern Midland and Mountain Area. However, early marriage when ethnic minority women have not yet developed their bodies, will greatly affect their health, spirit, jobs and lives. Early marriage of ethnic minority women in this area is concentrated mainly in the northern mountainous provinces, rural areas, families with many members living together. One of the reasons why ethnic minority women get married early is due to dropping out of school midway, knowing, making friends and having a love relationship through social networks, due to family circumstances, their concept of early marriage of each ethnic group and premarital sex and pregnancy.

Keywords: *Early marriage; Child marriage; Ethnic minority women; The Northern Midland and Mountain area.*

1. Đặt vấn đề

Đã từ lâu, kết hôn sớm được coi là một vấn đề trên toàn thế giới (World Vision, 2015). Kết hôn sớm thường ảnh hưởng đến cuộc sống của trẻ em gái do mang thai sớm, bị xã hội cô lập, làm gián đoạn việc đi học của trẻ, hạn chế cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp và khiến các em có nguy cơ bị bạo hành gia đình (UNICEF, 2022). Hiện nay, có tới 650 triệu phụ nữ kết hôn trước khi bước sang tuổi 18. Con số này tương đương với 21% tổng số phụ nữ trẻ tuổi trên toàn thế giới (World Vision, 2015). Trên toàn cầu, mức độ kết hôn sớm cao nhất tập trung ở Tây Phi và Trung Phi. Cứ 10 phụ nữ thì có 4 người kết hôn trước 18 tuổi (UNICEF, 2022). Ở các quốc gia đang phát triển như khu vực từ Châu Phi tới Trung Đông, khu vực Châu Á, Châu Âu và Châu Mỹ là những khu vực có tỷ lệ kết hôn sớm ở trẻ em cao nhất trên toàn thế giới (UNICEF, 2021).

Bên cạnh đó, đại dịch covid 19 đã làm gián đoạn các nỗ lực nhằm chấm dứt kết hôn sớm trên toàn thế giới (UNFPA, 2022). Trước đại dịch covid 19, hơn 100 triệu trẻ em gái được dự báo là sẽ kết hôn trước ngày sinh nhật lần thứ 18 của họ. Tuy nhiên, giờ đây, sẽ có thêm khoảng 10 triệu trẻ em gái có nguy cơ trở thành cô dâu trẻ em do hậu quả của đại dịch covid 19. Việc đóng cửa trường học do đại dịch covid 19 gây ra, trên thực tế, có thể thúc đẩy việc trẻ em gái tiến đến các cuộc hôn nhân khi còn quá trẻ (UNICEF, 2021).

Ở Việt Nam, nhằm nâng cao nhận thức, ý thức

pháp luật về hôn nhân và gia đình, góp phần giải quyết tình trạng kết hôn sớm và hôn nhân cận huyết, nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực ở vùng dân tộc thiểu số (DTTS). Mặc dù đã có một số chuyển biến trong việc giảm thiểu tình trạng kết hôn sớm. Tuy nhiên, năm 2014, qua khảo sát, cứ 10 phụ nữ trong độ tuổi từ 20-24 thì có 1 người kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng trước tuổi 18. Tỷ lệ kết hôn sớm ở các vùng miền không giống nhau, nhưng trẻ em ở hầu hết các khu vực và các tầng lớp trong xã hội đều có nguy cơ trở thành cô dâu nhỏ tuổi (UNICEF, 2015). Khu vực có tỷ lệ nữ giới (20-29 tuổi) kết hôn trước 18 tuổi cao nhất là khu vực trung du miền núi phía Bắc (18,8%), Tây Nguyên (15,8%) và khu vực đồng bằng sông Cửu Long (13,8%) (UNICEF và UNFPA, 2015). Chính vì vậy, vấn đề kết hôn sớm ở phụ nữ DTTS cần thiết phải nghiên cứu. Bài viết này phân tích tình trạng kết hôn sớm của phụ nữ DTTS khu vực trung du và miền núi phía Bắc. Từ đó, bài viết mong muốn giúp các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách có cái nhìn toàn diện hơn, đưa ra các chương trình hành động phù hợp với thực tế để giảm thiểu và tiến đến chấm dứt tình trạng này.

2. Tổng quan nghiên cứu

Vấn đề kết hôn sớm là một trong những vấn đề được nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm từ rất sớm. Kể từ năm 1948, Liên hợp quốc và các cơ quan quốc tế khác đã nỗ lực ngăn chặn tình trạng kết hôn sớm. Chẳng hạn, Điều 16 trong Tuyên ngôn

nhân quyền quy định rằng mọi người phải đủ tuổi khi kết hôn. Hôn nhân phải được tiến hành tự do và được sự đồng ý hoàn toàn từ hai bên. Nói cách khác, bất cứ quốc gia nào cho phép kết hôn sớm là vi phạm nhân quyền (Nawal, 2006). Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ đề cập đến quyền được bảo vệ khỏi nạn kết hôn sớm. Điều 16 trong công ước này nêu rõ: “Việc hứa hôn và kết hôn của một đứa trẻ sẽ không có hiệu lực pháp lý và mọi hành động cần thiết, bao gồm cả luật pháp, sẽ được thực hiện để quy định độ tuổi tối thiểu để kết hôn...”. Mặc dù, hôn nhân không được đề cập trực tiếp trong Công ước về Quyền trẻ em, nhưng theo Công ước này, kết hôn sớm ở trẻ em gái được coi là vấn đề vi phạm một số quyền trong Công ước Quyền trẻ em. Cụ thể như: quyền tự do ngôn luận, quyền được bảo vệ khỏi mọi hình thức lạm dụng và quyền được bảo vệ khỏi các hủ tục truyền thống có hại (UNICEF, 2022).

Theo số liệu thống kê và tình trạng kết hôn sớm năm 2020, mỗi năm sẽ có 12 triệu trẻ em gái kết hôn khi chưa đủ 18 tuổi. Có 1/5 trẻ em gái đã kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng trước khi bước sang tuổi 18 (World Vision, 2015). Trong đó, khu vực Nam Á là nơi sinh sống của 40% cô dâu trẻ em trên toàn thế giới. Với 15 triệu cô dâu, quốc gia Nam Á này là nước có tỷ lệ trẻ em gái kết hôn sớm nhiều nhất trên toàn thế giới (World Vision, 2015). Theo số liệu điều tra về Nhân khẩu học và Sức khỏe của khoảng 60 quốc gia trong vòng 30 năm qua, tỷ lệ kết hôn sớm đã giảm nhưng không quá nhanh. Tỷ lệ phụ nữ từ 18 đến 22 tuổi kết hôn trước 18 tuổi ở 25 quốc gia chiếm 36,7% (World Bank, 2017). Trong thập kỷ qua, trên toàn thế giới đã có 25 triệu cuộc kết hôn sớm được ngăn chặn nhờ sự gia tăng tỷ lệ trẻ em gái được đến trường, nhờ sự chủ động đầu tư của Chính phủ cho trẻ em ở tuổi vị thành niên và sự thay đổi nhận thức của cộng đồng về tác hại của kết hôn sớm. (United Nations Human Rights, 2013).

Ở Việt Nam, tình trạng kết hôn sớm hiện vẫn diễn ra trên phạm vi toàn quốc. So với năm 2014, năm 2019, tình trạng kết hôn sớm của người DTTS đã giảm 4,7%, tức bình quân mỗi năm giảm 0,94%. Tại những vùng tập trung nhiều đồng bào DTTS sinh sống như Tây Nguyên, 27,5% số người bước vào hôn nhân khi chưa đủ tuổi kết hôn; Trung du và miền núi phía Bắc là 24,6%; Đồng bằng sông Hồng - nơi không có nhiều người DTTS sinh sống (3,3%) cũng có 7,8% người DTTS kết hôn sớm. Tuổi kết hôn trung bình của người DTTS kết hôn sớm năm 2018 là 17,5 tuổi đối với nam và 15,8 tuổi đối với nữ. Như vậy, nam giới kết hôn sớm hơn 2,5 tuổi, nữ giới kết hôn sớm hơn 2,2 tuổi so với quy định của

pháp luật. Tất cả 53 DTTS đều có tình trạng kết hôn sớm, trong đó, 5 dân tộc tỷ lệ kết hôn sớm cao nhất gồm các dân tộc như: Mông 51,5%, Cờ Lao 47,8%, Mảng 47,2%, Xinh Mun 44,8%, Mạ 39,2% (Trần Quỳnh – Phương Liên, 2021). Trong giai đoạn 2006-2014, Việt Nam có rất ít hoặc không có bất kỳ thay đổi nào trong việc giảm thiểu tình trạng kết hôn sớm. Các số liệu điều tra năm 2014 cho thấy, 1/10 phụ nữ trong độ tuổi 20-24 đã kết hôn hoặc sống chung như vợ chồng khi chưa tròn 18 tuổi. Tỷ lệ trẻ em gái từ 15-19 tuổi đã kết hôn tăng gấp 2 lần trong khoảng thời gian từ năm 2006-2014, tăng từ 5,4% năm 2006 lên 10% năm 2014 (UN Việt Nam, 2018). Tuy nhiên, trong giai đoạn gần đây, tình trạng kết hôn sớm ở vùng DTTS đã có xu hướng giảm dần. Kết quả điều tra về thực trạng kinh tế-xã hội của 53 DTTS cho thấy, tỷ lệ người DTTS kết hôn sớm năm 2018 là 21,9% giảm 4,7 điểm phần trăm so với năm 2014. Năm 2018, tỷ lệ kết hôn sớm của phụ nữ dân tộc thiểu số vẫn cao hơn so với nam giới DTTS. (Ủy ban Dân tộc, Irish Aid và UN Women, 2021). Kết quả Tổng điều tra dân số và Nhà ở năm 2019 cho thấy, khu vực trung du miền núi phía Bắc (TDMNPB) là khu vực có tình trạng phụ nữ kết hôn trước 18 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất 22,8%. Trong đó, tỷ lệ phụ nữ kết hôn trước 15 tuổi chiếm 1,3% và kết hôn trước 18 tuổi chiếm 21,5%. Các tỉnh Điện Biên, Lai Châu và Sơn La là những tỉnh có tỷ lệ phụ nữ DTTS kết hôn trước 18 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (tương ứng với 39,1%, 38,5% và 37,1%). Dân tộc Lô Lô, Mông, Khơ-mú, Xinh-mun, H'rê, Gia-rai, B'rao là những dân tộc có tỷ lệ phụ nữ dân tộc thiểu số 20-24 tuổi kết hôn lần đầu trước 18 tuổi cao nhất cả nước (TCTK, 2019). Xét theo hướng tiếp cận vĩ mô các nghiên cứu về kết hôn sớm chủ yếu ở cấp độ toàn quốc, việc tìm hiểu về thực trạng sinh con ở phụ nữ tuổi vị thành niên tại từng địa bàn, từng tỉnh cụ thể có mức sinh cao ở khu vực trung du miền núi phía Bắc hiện vẫn đang có nhiều khoảng trống trong nghiên cứu. Mặc dù, khu vực trung du miền núi phía Bắc là một trong những khu vực có tỷ lệ kết hôn sớm đứng thứ nhất cả nước nhưng phần lớn chỉ tập trung ở các tỉnh miền núi phía Bắc, nơi có đông đồng bào DTTS sinh sống. Điều này cho thấy cần có những nghiên cứu tìm hiểu sâu về từng địa bàn cụ thể để có thêm cái nhìn cụ thể hơn về vấn đề kết hôn sớm ở các địa bàn hiện đang có nguy cơ.

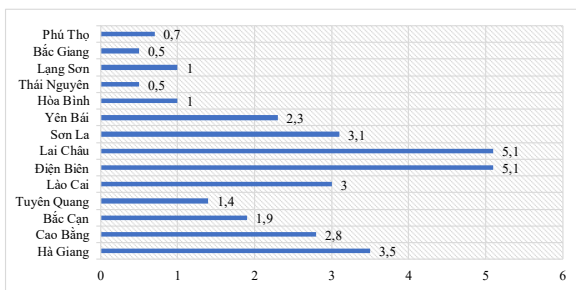
3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này sử dụng hai phương pháp nghiên cứu chính là phương pháp phân tích tài liệu, phương pháp phân tích số liệu thứ cấp và 20 cuộc phỏng vấn sâu phụ nữ kết hôn trong độ tuổi 10-17 tại huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Các kết quả nghiên

cứ trình bày trong bài viết này dựa trên việc phân tích số liệu điều tra Dân số và Nhà ở năm 2019 của Tổng cục Thống kê. Trong bài viết này, tác giả sử dụng một số thông tin trong cuộc điều tra Dân số và Nhà ở năm 2019 như các đặc điểm nhân khẩu học của người trả lời như tuổi, tuổi kết hôn, giới tính, dân tộc, tình trạng hôn nhân, tình...

4. Kết quả nghiên cứu

Năm 2014, điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 DTTS lần thứ nhất cho thấy có 26,6% người DTTS kết hôn sớm. Năm 2019, kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 DTTS lần thứ hai cũng cho kết quả gần như tương tự, có 21,9% người dân tộc thiểu số kết hôn sớm. Tất cả 53 dân tộc đều xảy ra tình trạng kết hôn sớm. Trong đó, các dân tộc thiểu số kết hôn sớm nhiều nhất là dân tộc Mông (51,5%), dân tộc Cờ Lao (47,8%), dân tộc Mảng (47,2%), dân tộc Xinh-mun (44,8%), dân tộc Mạ (39,2%) (Trần Quỳnh - Phương Nam, 2021)



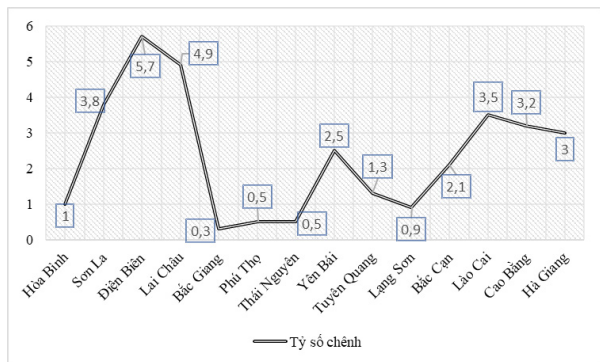
Hình 1. Tỷ lệ phụ nữ dân tộc thiểu số khu vực trung du và miền núi phía Bắc kết hôn ở độ tuổi 10-17 phân theo tỉnh (%)

Nguồn. Tính toán từ số liệu tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, TCTK

Kết quả phân tích thống kê cho thấy, trong 14 tỉnh thuộc khu vực TDMNPB, tỉnh Lai Châu và tỉnh Điện Biên là hai địa phương có tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi 10-22 kết hôn trong độ tuổi 10-17 chiếm tỷ lệ cao nhất. Cụ thể, cả hai tỉnh Lai Châu và Điện Biên đều có 5,1% phụ nữ DTTS 10-22 tuổi kết hôn trong độ tuổi này. Tiếp đến, Hà Giang, Lào Cai và Sơn La cũng là một trong những địa phương có tỷ lệ phụ nữ DTTS 10-22 tuổi lấy chồng trong độ tuổi 10-17 chiếm tỷ lệ cao. Tỷ lệ phụ nữ DTTS 10-22 kết hôn sớm là 3,5%, tại Sơn La là 3,1% và tại Lào Cai là 3%.

Tại các tỉnh thuộc khu vực trung du phía Bắc, tỷ lệ phụ nữ DTTS 10-22 tuổi kết hôn trong độ tuổi 10-17 hiện vẫn còn nhưng có xu hướng thấp hơn hẳn. Tại hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Giang

có 0,5% phụ nữ trong độ tuổi 10-22 kết hôn trong độ tuổi 10-17 tuổi. Đây là hai tỉnh có tỷ lệ phụ nữ DTTS 10-22 tuổi kết hôn trong độ tuổi 10-17 chiếm tỷ lệ thấp nhất. Qua đó có thể thấy, tình trạng kết hôn sớm hiện vẫn diễn ra chủ yếu ở các tỉnh miền núi và có xu hướng giảm dần ở các tỉnh trung du thuộc khu vực TDMNPB. Việc kết hôn sớm là một trong những yếu tố thúc đẩy việc mang thai và sinh con sớm của phụ nữ DTTS. Điều này không những ảnh hưởng đến sức khỏe, tâm lý mà còn ảnh hưởng đến việc lựa chọn cuộc sống của phụ nữ DTTS ở khu vực này.



Hình 2. Tỷ số chênh phụ nữ dân tộc thiểu số kết hôn sớm ở khu vực trung du và miền núi phía Bắc phân theo khu vực thành thị - nông thôn (%)

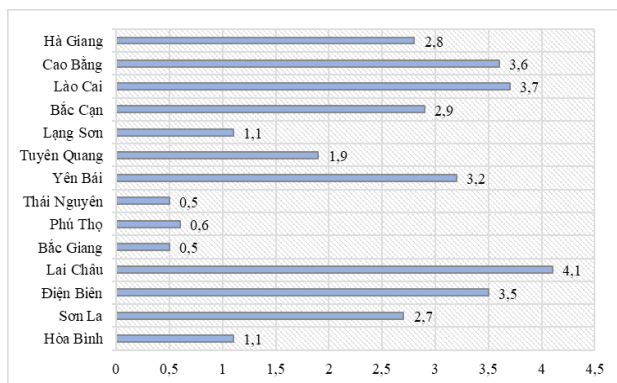
Nguồn. Tính toán từ số liệu tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, TCTK

Ghi chú: Tỷ số chênh về tình trạng kết hôn sớm của phụ nữ = tỷ lệ kết hôn sớm của phụ nữ dân tộc thiểu số khu vực nông thôn - tỷ lệ kết hôn sớm của phụ nữ dân tộc thiểu số khu vực thành thị

Kết quả phân tích thống kê cho thấy, tỷ số chênh về tình trạng kết hôn sớm của phụ nữ DTTS giữa hai khu vực thành thị và nông thôn tương đối cao ở các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Cao Bằng và Hà Giang. Tỷ lệ chênh về tình trạng kết hôn sớm giữa khu vực nông thôn tại hai tỉnh Điện Biên và Lai Châu lớn nhất trong các tỉnh thuộc khu vực TDMNPB. Cụ thể, tỷ lệ chênh về tình trạng kết hôn sớm của phụ nữ DTTS tại tỉnh Điện Biên là 5,7%. Trong đó, tỷ lệ phụ nữ DTTS kết hôn sớm ở khu vực đô thị là 0,3% và ở khu vực nông thôn là 6%. Tại tỉnh Lai Châu, tỷ lệ chênh về tình trạng kết hôn sớm của phụ nữ DTTS chiếm 4,7%. Trong đó có 1,2% phụ nữ DTTS tại khu vực thành thị kết hôn sớm trong độ tuổi 10-17 và con số này ở khu vực nông thôn là 6,1%. Kết quả phân tích thống kê cũng cho thấy, Lai Châu là tỉnh có tỷ lệ phụ nữ DTTS khu vực nông thôn kết hôn sớm cao nhất trong 14 tỉnh

thuộc khu vực TDMNPB.

Xét theo quy mô gia đình, các kết quả phân tích thống kê cho thấy, gia đình chung sống từ 5 người trở lên có tỷ lệ phụ nữ DTTS kết hôn sớm cao gấp 3,5 lần so với những gia đình có từ 1 đến 4 người. Cụ thể, có 0,8% phụ nữ DTTS sống trong các hộ gia đình có từ 1-4 người kết hôn sớm trong độ tuổi 10-17. Ngược lại, có 2,8% phụ nữ DTTS sống trong các hộ gia đình mở rộng kết hôn sớm ở độ tuổi này.

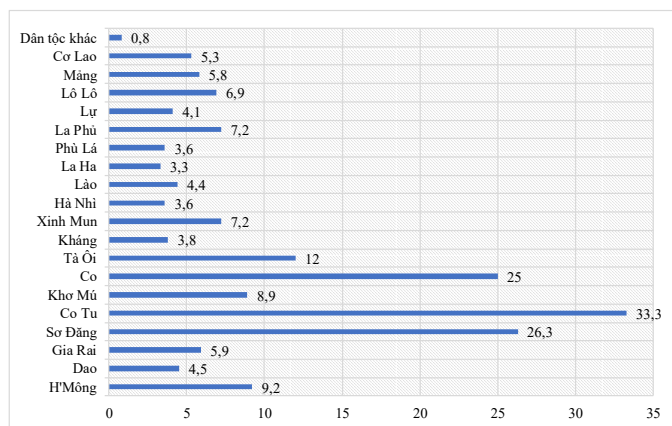


Hình 3. Tỷ số chênh phụ nữ dân tộc thiểu số kết hôn sớm ở khu vực trung du và miền núi phía Bắc phân theo quy mô hộ gia đình (%)

Nguồn. Tính toán từ số liệu tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, TCTK.

Ghi chú: Tỷ số chênh về tình trạng kết hôn sớm của phụ nữ = tỷ lệ kết hôn sớm của phụ nữ dân tộc thiểu số sống trong gia đình có từ 5 thế hệ trở lên - tỷ lệ kết hôn sớm của phụ nữ dân tộc thiểu số sống trong gia đình có từ 1-4 người.

Trong 14 tỉnh thuộc khu vực TDMNPB, Lai Châu là tỉnh có tỷ số chênh về tình trạng kết hôn



Hình 4. Tỷ lệ phụ nữ dân tộc thiểu số kết hôn sớm ở khu vực trung du và miền núi phía Bắc phân theo dân tộc (%)

Nguồn. Tính toán từ số liệu tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, TCTK

sớm của phụ nữ DTTS kết hôn sớm theo quy mô hộ gia đình chiếm tỷ lệ cao nhất (4,1%). Tỷ số chênh về tình trạng kết hôn sớm của phụ nữ DTTS theo quy mô hộ gia đình tại hai tỉnh Lào Cai và Cao Bằng cao, và có xu hướng gần như tương đương nhau. Tại Lào Cao, chênh lệch về tỷ lệ phụ nữ DTTS kết hôn sớm trong độ tuổi 10-17 ở những hộ gia đình có 1-4 thành viên và từ 5 thành viên trở lên là 3,7%, tại tỉnh Cao Bằng tỷ số chênh này là 3,6%. Tại các tỉnh Lạng Sơn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang và Hòa Bình tỷ số chênh về tình trạng kết hôn sớm của phụ nữ phân theo quy mô hộ gia đình thấp. Trong đó, các tỉnh Phú Thọ, Bắc Giang và Thái Nguyên có tỷ số chênh về tình trạng kết hôn sớm của phụ nữ theo quy mô hộ gia đình dưới 1%. Điều này cho thấy, quy mô hộ gia đình cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng kết hôn sớm của phụ nữ dân tộc thiểu số ($P < 0,001$). Những hộ gia đình có đông thành viên chung sống có nguy cơ kết hôn sớm cao hơn so với những hộ gia đình sống từ 1-4 thành viên.

Trong số các dân tộc hiện đang sinh sống tại khu vực TDMNPB, các phân tích về phụ nữ DTTS nhóm tuổi 10-22 đã kết hôn trong độ tuổi 10-17 cho thấy, dân tộc Cơ-tu, Xơ-Đăng, Co, Mông và Kơ-mú là nhóm có tỷ lệ phụ nữ kết hôn sớm chiếm tỷ lệ cao. Cụ thể, có 33,3% phụ nữ dân tộc Cơ-tu kết hôn ở độ tuổi 10-17. Có 26,3% phụ nữ dân tộc Xơ-Đăng và 25% phụ nữ dân tộc Co kết hôn ở độ tuổi này. Dân tộc Mông và dân tộc Kơ-mú cũng có tỷ lệ phụ nữ kết hôn trong độ tuổi 10-17 cao hơn so với những dân tộc còn lại. Tuy nhiên, nếu so sánh với phụ nữ dân tộc Co Tu thì tỷ lệ phụ nữ dân tộc Mông kết hôn sớm thấp hơn 3,6 lần. Tỷ lệ phụ nữ dân tộc Kơ-mú kết hôn sớm thấp hơn phụ nữ dân tộc Cơ-tu 3,7 lần. Các dân tộc Dao, Kháng, Hà Nhi, Lào, La Ha, Phù Lá, Lự có tỷ lệ phụ nữ kết hôn sớm thấp hơn 5%. Trong khi đó, các dân tộc Gia-rai, Xinh-mun, La Hủ, Lô Lô, Mảng và Co Lao có tỷ lệ phụ nữ kết hôn trong độ tuổi 10-17 dao động từ 5% đến khoảng gần 8%.

5. Thảo luận

Có thể thấy, tình trạng kết hôn sớm của các dân tộc cũng tương đối đa dạng. Việc kết hôn sớm phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó, phong tục tập quán của mỗi dân tộc, quan niệm lấy chồng sớm cũng trở thành một trong những rào cản ảnh hưởng đến tâm lý muốn lấy chồng của phụ nữ trẻ tuổi ở khu vực trung du miền núi phía Bắc.

Có rất nhiều nguyên nhân khiến phụ nữ khu vực TDMNPB quyết định lấy chồng

sớm như muốn kết hôn vì tình yêu, kết hôn vì có thai ngoài ý muốn...

“Yêu thì bố mẹ không cho cưới. Bố mẹ bảo chưa đến tuổi thì không cho lấy nhau nhưng mà chồng cứ bảo không lấy thì anh khóc nên em lấy. Nó bảo không lấy thì nó chết nên em đồng ý lấy” (Nữ, 17 tuổi, huyện Mù Căng Chải, tỉnh Yên Bái).

“Em lấy chồng em vì em mang thai trước. Bọn em yêu nhau sau đó thì em lỡ mang thai nên bọn em cưới nhau. Nhưng bố em không cho em đi sang nhà bên đó ở. Em sinh con xong đi học tiếp, đến 18 tuổi thì mới về nhà chồng” (Nữ, 21 tuổi, huyện Mù Căng Chải, tỉnh Yên Bái).

Tình yêu là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định kết hôn sớm của phụ nữ DTTS khu vực TDMNPB. Do không tiếp tục đi học nên trẻ em phụ nữ DTTS khu vực TDMNPB ở nhà làm công việc hỗ trợ gia đình và có xu hướng yêu đương sớm. Tại đây, các cặp đôi yêu nhau thường có suy nghĩ rất đơn giản, chỉ cần hai bên có tình cảm và muốn về chung sống với nhau thì đưa ra quyết định tiến đến hôn nhân. Mặc dù, bản thân gia đình phụ nữ trẻ dân tộc thiểu số không đồng ý. Tuy nhiên, ý kiến của bố mẹ dường như không làm thay đổi được quyết định kết hôn sớm của phụ nữ DTTS khu vực TDMNPB.

“Bố mẹ thì vẫn cấm cản không cho cưới sớm nhưng mà chúng nó có nghe đâu mà. Ở đây đã có trường hợp bố mẹ cấm cản quá, chưa cho lấy thì nó đi ăn lá ngón tự tử. Thế nên giờ các bố mẹ cũng sợ ấy, không dám làm quá. Nếu mà nó quyết tâm lấy nhau thì cũng phải chịu thôi chứ biết làm sao bây giờ” (Nam, 27 tuổi, Bí thư thôn, huyện Mù Căng Chải, tỉnh Yên Bái).

Do được tuyên truyền, vận động về ảnh hưởng tiêu cực của việc kết hôn sớm, nhiều gia đình DTTS không đồng ý cho con của họ kết hôn sớm. Có thể nói, công tác tuyên truyền, vận động giảm thiểu tình trạng kết hôn sớm của Nhà nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Các nội dung tuyên truyền đã giúp các hộ gia đình DTTS hiểu được tác hại của việc kết hôn sớm đến sức khỏe, cuộc sống cũng như tương lai của con em họ. Tuy nhiên, nhiều cặp đôi trẻ vẫn quyết định kết hôn sớm bằng mọi giá, ngay cả khi không có sự đồng ý của bố mẹ. Nhiều cặp đôi trẻ đem “cái chết” ra để đe dọa bố mẹ nếu gia đình phản đối quá quyết liệt. Chính vì vậy, mặc dù không muốn con cái kết hôn sớm nhưng nhiều gia đình cũng không dám phản ứng quyết liệt mà chỉ nhẹ nhàng khuyên nhủ con cái. Nếu con cái quá cố chấp quyết định thì cha mẹ cũng thuận theo ý nguyện của con cái. Điều này cho thấy, mặc dù công tác tuyên truyền đã giúp cha mẹ các hộ gia

đình hiểu được các ảnh hưởng tiêu cực của tảo hôn, đồng thời cũng giúp cha mẹ thay đổi suy nghĩ, thái độ về phong tục này. Tuy nhiên, do hoạt động tuyên truyền chỉ tập trung vào đối tượng cha mẹ, chính vì vậy, nhiều trẻ em gái DTTS trong độ tuổi 10-17 vẫn chưa hiểu được tác hại của việc kết hôn sớm. Do đó, trẻ em gái DTTS vẫn quyết định kết hôn khi chưa đủ tuổi theo quy định của pháp luật. Qua đó, công tác tuyên truyền về tình trạng tảo hôn đối với phụ nữ DTTS cần tập trung hơn nữa vào đối tượng trẻ em gái trong độ tuổi 10-17. Thông qua các hoạt động tuyên truyền, các em có thể hiểu được tác hại của quyết định kết hôn sớm đến bản thân trong hiện tại và tương lai. Điều này giúp các em có cân nhắc và đưa ra những quyết định đúng đắn góp phần giảm thiểu và tiến đến chấm dứt nạn tảo hôn ở khu vực trung du và miền núi phía Bắc.

Cùng với đó, mang thai trước hôn nhân cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sinh con của phụ nữ DTTS. Do ảnh hưởng với văn hóa phương tây lan truyền trên mạng xã hội, một số trẻ em gái DTTS có suy nghĩ “thoảng” hơn về quan hệ tình dục trước hôn nhân. Cùng với đó, do không được trang bị các kiến thức liên quan đến phòng tránh thai nên nhiều cặp đôi mang thai trước hôn nhân. Để giải quyết hậu quả và giữ nhân phẩm cho phụ nữ và gia đình phụ nữ, hai bên gia đình quyết định cưới cho trẻ mặc dù vẫn chưa đủ tuổi kết hôn. Tuy nhiên, các bằng chứng nghiên cứu ở huyện Mù Căng Chải, tỉnh Yên Bái cho thấy, yếu tố mang thai trước hôn nhân không phải là yếu tố chính quyết định đến việc kết hôn sớm của phụ nữ DTTS khu vực trung du và miền núi phía Bắc. Yếu tố chính quyết định hôn nhân sớm của trẻ em gái nơi đây là do quan hệ yêu đương nam nữ và bỏ học sớm.

Không chỉ yếu tố tình yêu, hoàn cảnh gia đình cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định kết hôn sớm của phụ nữ DTTS khu vực TDMNPB.

“Em không định lấy chồng sớm, em định đi học hết cấp 3 sau đó đi làm. Nhưng mẹ đi lấy chồng ở bên Trung Quốc. Em không muốn đi với mẹ nên em quyết định lấy chồng để có chỗ ở. Lúc đó em cũng không về với bố em được vì bố em có vợ mới rồi” (Nữ, 17 tuổi, huyện Mù Căng Chải, tỉnh Yên Bái).

Việc bố mẹ trong gia đình ly hôn và xây dựng gia đình mới là một trong những yếu tố cũng ảnh hưởng đến quyết định kết hôn sớm của trẻ em gái DTTS. Khi gia đình tan vỡ, bố hoặc mẹ xây dựng gia đình mới khiến trẻ em gái cảm thấy mình không còn nơi có thể ở. Mặc dù, trong thâm tâm trẻ chưa muốn kết hôn, chưa muốn lập gia đình, thậm chí

còn có ý định tiếp tục đi học. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình nên trẻ em gái DTTS quyết định kết hôn sớm để có thể tìm thấy một nơi “nuơng tựa” bình yên. Chính vì vậy, đối với những trẻ em gái DTTS gặp khó khăn trong cuộc sống, Nhà nước cần có sự hỗ trợ về mặt vật chất như miễn giảm học phí, trợ cấp tiền sinh hoạt phí hàng tháng cho đến khi trẻ tốt nghiệp trung học phổ thông. Đồng thời, thể theo nguyện vọng của từng trẻ, Chính quyền địa phương kết hợp với nhà trường vận động đưa trẻ đến với các trường học bán trú. Điều này không những giảm thiểu suy nghĩ tiêu cực, quyết định kết hôn vội vàng của trẻ em gái DTTS mà trên hết còn giúp trẻ học được các kiến thức mới, tăng vốn hiểu biết xã hội và có cơ hội tìm kiếm việc làm tốt hơn.

Yếu tố phong tục tập quán và quan niệm của người dân trong cộng đồng cũng ảnh hưởng đến quyết định kết hôn sớm của phụ nữ DTTS.

“Biết gia đình quyết định sinh con, chúng tôi cũng đến gia đình nói chuyện, tuyên truyền vận động. Có những hộ gia đình thì người ta cũng không nghe nhưng có những hộ gia đình thì họ cũng nghe. Họ nói với chúng tôi là quan niệm gia đình cũng nhất trí với chủ trương của nhà nước. Nhưng bản chất ở bản này có con gái nhà nào mà đến 18 tuổi không lấy chồng thì bị xì xào là ế. Họ bảo nếu con tôi khi đi lấy chồng mà ế thì cán bộ có lấy con tôi không? Như thế cũng rất khó cho việc tuyên truyền vận động của chúng tôi” (Nữ, Chi hội trưởng chi hội phụ nữ thôn, huyện Mù Căng Chải, tỉnh Yên Bái).

Mặc dù, tại địa phương đã có nhiều cuộc tuyên truyền, vận động người dân hiểu và giảm thiểu tình trạng đẻ con cái trong gia đình kết hôn sớm nhưng dường như người dân tại khu vực TDMNPB vẫn còn chịu ảnh hưởng của các phong tục tập quán truyền thống của dân tộc. Như đã phân tích ở trên, bố mẹ trong một số hộ gia đình không đồng ý cho con kết hôn sớm. Tuy nhiên, dường như trong thâm tâm người DTTS tại khu vực này đang bị xung đột giữa văn hóa truyền thống và các chính sách liên quan đến nạn tảo hôn của nhà nước. Họ vẫn quan niệm những trẻ em gái nào đến 18 tuổi chưa kết hôn được coi là “ế chồng”. Điều này trở thành rào cản trong việc giảm thiểu tình trạng kết hôn sớm của phụ nữ DTTS khu vực TDMNPB. Do đó để giảm thiểu và tiến đến chấm dứt được nạn kết hôn sớm tại khu vực trung du và miền núi phía Bắc, công tác tuyên truyền không chỉ tập trung vào các chủ hộ gia đình DTTS mà phải mở rộng ra các đoàn hội trong cộng đồng như hội phụ nữ, hội nông dân, hội người cao tuổi... với các cách tuyên truyền viên là trưởng các đoàn hội. Qua đó, góp phần phổ biến sâu rộng các thông điệp tuyên truyền đến với từng người

dân trong cộng đồng. Phổ biến kiến thức, tăng hiểu biết về tác hại của kết hôn sớm là một trong những yếu tố quyết định việc nói “không” với các hủ tục truyền thống về kết hôn sớm trong cộng đồng đồng bào DTTS nơi đây.

6. Kết luận

Nhìn chung, tình trạng kết hôn sớm vẫn diễn ra tương đối phổ biến ở khu vực TDMNPB. Trong các cuộc hôn nhân này, phụ nữ DTTS vẫn là nhóm đối tượng chịu nhiều thiệt thòi về cả sức khỏe, tinh thần, học tập, việc làm và thu nhập.

Các tỉnh có tỷ lệ phụ nữ DTTS kết hôn sớm chủ yếu tập trung ở khu vực miền núi phía Bắc, tiêu biểu là các tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La... Khu vực nông thôn vẫn là khu vực có tỷ lệ phụ nữ DTTS kết hôn sớm cao hơn so với khu vực thành thị. Các tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Cao Bằng, Lào Cai là các địa phương có khoảng cách chênh lệch về tỷ lệ phụ nữ DTTS kết hôn sớm cao nhất. Tiếp đến, các hộ gia đình có từ 5 thành viên trở lên có tỷ lệ phụ nữ DTTS kết hôn sớm cao hơn so với các hộ gia đình có từ 1-4 thành viên. Dân tộc Co-ho, dân tộc Co và dân tộc Xơ-Đăng là những DTTS tại khu vực TDMNPB có tỷ lệ phụ nữ kết hôn sớm chiếm tỷ lệ cao nhất.

Một trong những nguyên nhân chính khiến phụ nữ DTTS khu vực TDMNPB kết hôn sớm là do bỏ học giữa chừng, tiếp cận làm quen, kết bạn trên mạng xã hội, mang thai trước hôn nhân, hoàn cảnh gia đình có bố mẹ ly hôn/tái hôn, phong tục tập quán của từng dân tộc. Tất cả những điều này đẩy phụ nữ DTTS vào vòng luẩn quẩn kết hôn sớm – mang thai sớm – sinh con sớm – nghèo đói. Điều này khiến phụ nữ DTTS khu vực TDMNPB phải đối mặt với những khó khăn liên quan đến quyền lựa chọn cuộc sống trong hiện tại và tương lai. Vì vậy, để giảm thiểu và tiến đến chấm dứt tình trạng kết hôn sớm của phụ nữ DTTS khu vực TDMNPB, các địa phương cần đa dạng hóa các đối tượng tuyên truyền để người dân có thể nắm và hiểu được các chính sách cũng như tác hại của kết hôn sớm. Cùng với đó, cần có các chương trình hỗ trợ kinh phí học tập, chi phí sinh hoạt đối với những trẻ em gái có hoàn cảnh khó khăn có nguyện vọng tiếp tục đi học. Đoàn thanh niên tại các thôn/bản cần tổ chức những buổi họp tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của phụ nữ trẻ DTTS. Từ đó, đưa ra những đề xuất, tham mưu phù hợp liên quan đến nhu cầu đi học, nhu cầu việc làm của phụ nữ trẻ DTTS tại địa phương. Việc tăng tỷ lệ phụ nữ trẻ DTTS đến trường, tăng cơ hội việc làm là một trong những tố quyết định đến việc giảm thiểu và chấm dứt tình trạng kết hôn sớm ở khu vực này.

Tài liệu tham khảo

Nour, N. M. (2006). Health consequences of child marriage in Africa. *Emerg Infect Dis*, 12(11), 1644–1649.

Quỳnh, T., & Liên, P. (2021). Tình trạng tảo hôn ở vùng dân tộc thiểu số - thực trạng đáng lo ngại. *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*. Truy cập từ <https://dangcongsan.vn/xa-hoi/bai-1-tinh-trang-tao-hon-o-vung-dan-toc-thieu-so-thuc-trang-dang-lo-ngai-592292.html>

Quỳnh, T., & Mai, P. (2021). Tình trạng tảo hôn ở vùng dân tộc thiểu số - Thực trạng đáng lo ngại. *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*. Truy cập từ <https://dangcongsan.vn/xa-hoi/bai-1-tinh-trang-tao-hon-o-vung-dan-toc-thieu-so-thuc-trang-dang-lo-ngai-592292.html>

Tổng cục Thống kê. (2020). *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.

UN Vietnam. (2018). *25 triệu cuộc tảo hôn đã được ngăn chặn trong thập kỷ qua nhờ những tiến bộ nhanh chóng – theo ước tính mới của UNICEF*. Truy cập từ <https://vietnam.un.org/vi/7357-25-trieu-cuoc-tao-hon-da-duoc-ngan-chan-trong-thap-ky-quanhung-tien-bo-nhanh-chong-theo>.

UNFPA. (2022). *7 điều có thể bạn chưa biết về kết hôn trẻ em*. Truy cập từ <https://vietnam.unfpa.org/vi/news/7-dieu-co-the-ban-chua-biet-ve-ket-hon-tre-em>

UNICEF. (2021). *Covid 19: A threat to progress against child marriage*. Retrieved from <https://data.unicef.org/resources/covid-19-a-threat-to-progress-against-child-marriage/>

UNICEF. (2022). *Child marriage*. Retrieved from <https://data.unicef.org/topic/child-protection/child-marriage/>

UNICEF, & UNFPA. (2015). *Chấm dứt kết hôn trẻ em: trao quyền cho trẻ em gái*. Truy cập từ <https://www.unicef.org/vietnam/media/2411/file/Tóm tắt thực trạng kết hôn trẻ em.pdf>.

United Nation Human Rights. (2013). *Child and forced marriage, including in humanitarian settings*. Retrieved from <https://www.ohchr.org/en/women/child-and-forced-marriage-including-humanitarian-settings>.

Ủy ban Dân tộc, Irish Aid, & UN Women. (2021). *Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020*.

World Bank. (2017, January 6). *Child Marriage Will Cost Developing Countries Trillions of Dollars by 2030, Says World Bank/ICRW Report*. Retrieved from <https://www.worldbank.org/en/news/press-release/2017/06/26/child-marriage-will-cost-developing-countries-trillions-of-dollars-by-2030-says-world-bankicrw-report>

World Vision. (2015). *Child marriage: Facts, FAGs, and how to help end it*. Retrieved from <https://www.worldvision.org/child-protection-news-stories/child-marriage-facts>.

TÌNH TRẠNG KẾT HÔN SỚM CỦA PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Nguyễn Thị Xuân

Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Email: xuanhatay@gmail.com

Nhận bài: 11/4/2023; Phân biên: 11/5/2023; Tác giả sửa: 13/5/2023; Duyệt đăng: 15/6/2023; Phát hành: 21/6/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/113>

Kết hôn là một tập tục truyền thống lâu đời của các dân tộc thiểu số khu vực trung du và miền núi phía Bắc. Tuy nhiên, kết hôn sớm khi phụ nữ dân tộc thiểu số cơ thể chưa phát triển trưởng thành, sẽ ảnh hưởng lớn đến sức khỏe, tinh thần, việc làm và cuộc sống của họ. Tình trạng kết hôn sớm của phụ nữ dân tộc thiểu số khu vực này tập trung chủ yếu ở các tỉnh miền núi phía Bắc, khu vực nông thôn, các gia đình có đông thành viên cùng chung sống. Một trong những nguyên nhân khiến phụ nữ dân tộc thiểu số kết hôn sớm là do bỏ học giữa chừng, quen biết, kết bạn và có quan hệ yêu đương qua mạng xã hội, do hoàn cảnh gia đình, quan niệm kết hôn sớm của từng dân tộc và quan hệ tình dục, mang thai trước hôn nhân.

Từ khóa: Kết hôn sớm; Kết hôn trẻ em; Phụ nữ dân tộc thiểu số; Khu vực trung du và miền núi phía Bắc.